TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2020/HSST
Ngày: **09/3/2020**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Hưng

2. Ông Bùi Thanh Trí

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nhâm Thị Thanh Trang - là thư ký Toà án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 Toà án nhân dân quận C mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 21/02/2020 đối với bị cáo:

Lê Văn M (M Ngựa), sinh năm 1964. Nơi sinh: Vĩnh Long; ĐKTT: 3411 Tổ 14, ấp TN, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê X (sống) và bà: Nguyễn Thị Đ (chết); vợ: Nguyễn Thị S (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1984; tiền sự: không; tiền án: 01 lần, vào ngày 10/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2019.

Về nhân thân: Ngày 03/4/1990 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cửu Long xử phạt 08 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản Xã hội chủ nghĩa"; Ngày 22/12/1990 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cửu Long xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp tài sản công dân" và 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân"; Ngày 27/6/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; đã được xoán án tích.

Bị cáo tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh M1**; sinh năm: 1972. Địa chỉ: E1 đường Số 6, Khu dân cư TĐ, Khu vực 4, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

<u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>:

1. Ông **Võ Tiến H**; sinh năm: 1972. Địa chỉ: 50/8B MT, Khóm 2, Phường 3, thị xã VL, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Thế D**; sinh năm: 1970. Địa chỉ: Cửa hàng Xe máy A - Số 192 đường L, Phường 2, thị xã VL, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

3. Chị **Đào Ngọc Đông X**; sinh năm: 1997. Địa chỉ: 32/96/3 đường N, Khóm 2, Phường 5, thị xã VL, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 14/11/2019, Lê Văn M điều kH xe mô tô biển số 64H3-6957 từ tỉnh Vĩnh Long đến Khu dân cư TĐ, Khu vực 4, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ; khi đi đến trước cửa nhà bà Nguyễn Thị Quỳnh M1 ở Số E1, Đường Số 6, Khu dân cư TĐ, thấy có nhiều cây kiểng không người trông coi nên M nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. M dừng xe, đi đến dùng tay nhổ cây M1 Chiếu Thủy đang trồng trong chậu rồi để phía sau yên xe, chở về trồng phía sau nhà, đợi tìm người mua thì bị phát hiện.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu giữ: 01 cây M1 Chiếu Thủy; 01 xe mô tô biển số 64H3- 6957; 01 đĩa DVD.

Tại Kết luận định giá tài sản số 127/TCKH-HDĐG ngày 30/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận C kết luận: 01 cây M1 chiếu thủy cao 1.3m, bề hoành 30cm (đã thu hồi được) trị giá: **7.000.000đ.**

Quá trình điều tra, Lê Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cây M1 Chiếu Thủy cho bà Nguyễn Thị Quỳnh M1.

Tại Cáo trạng số: 12/CT-VKS-CR ngày 11/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố Lê Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu kết luận vụ án:

- Vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã viện dẫn.

- Xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà Quỳnh M1 trị giá **7.000.000đ** nên việc truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; bị cáo có 01 tiền án vào ngày 10/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09

tháng về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, do đó bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại; ngoài ra, bị cáo đã từng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc nên thuộc trường hợp có công với cách mạng; tuy nhiên, về nhân thân bị cáo đã có thời gian dài chấp hành hình phạt tù của 03 bản án về tội chiếm đoạt tài sản, đã được xóa tích nhưng khi trở về vẫn không từ bỏ được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s, x khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ **01 năm đến 01 năm 06 tháng** tù.

Về vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Quỳnh M1 một cây M1 Chiếu Thủy; xét thấy, việc trả lại vật chứng cho chủ sở hữu là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị công nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra.

- Đối với xe mô tô biển số biển số 64H3-6957 của bị cáo mua xe cũ tại Cửa hàng xe máy A Thu nhưng chưa sang tên. Xe này do anh Võ Tiến H đứng tên giấy đăng ký xe, anh H đã bán xe cho người khác, chị Đào Ngọc Đông X mua, sau đó bán cho Cửa hàng xe A Thu; xét thấy, bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh phạm tội của bị cáo, đề nghị tiếp tục lưu giữ hồ sơ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xét thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi bị cáo lén lút lấy trộm tài sản của bà Nguyễn Thị Quỳnh M1, giá trị tài sản là **7.000.000đ (Bảy triệu đồng)** mà bị cáo đã thực hiện vào ngày 14/11/2019 tại Khu vực 4, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ, đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét thấy, bị cáo đã trưởng thành, đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; hơn nữa, bị cáo có thời gian dài chấp hành hình phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng sau khi trở về xã hội bị cáo vẫn không có ý chí phục thiện, do lười biếng lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù để giáo dục, cải tạo cho bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại; ngoài ra, bị cáo đã từng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc nên thuộc trường hợp có công với cách mạng; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền án vào năm 2018 về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn tái phạm nên chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, về nhân thân đã có 03 lần bị Tòa án tuyên phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần có một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:**

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

[7] **Về vật chứng:**

- Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Quỳnh M1 một cây M1 Chiếu Thủy; xét thấy, việc trả lại vật chứng cho chủ sở hữu là phù hợp quy định pháp luật nên cần công nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra.

- Đối với xe mô tô biển số biển số 64H3-6957 của bị cáo mua xe cũ tại Cửa hàng xe máy A Thu nhưng chưa sang tên. Xe này do anh Võ Tiến H đứng tên giấy đăng ký xe, anh H đã bán xe cho người khác, chị Đào Ngọc Đông X mua sau đó bán cho Cửa hàng xe A Thu; xét thấy, bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ hồ sơ.

[8] **Về án phí**:

Do bị cáo là người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và là người có công với cách mạng nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và danh mục án phí.

[9] **Về quyền kháng cáo**:

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Lê Văn M (M Ngựa) phạm tội: ”***Trộm cắp tài sản***”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm h, s, x khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lê Văn M 01 (Một) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

3. Về vật chứng: căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra: đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Quỳnh M1 một cây M1 Chiếu Thủy.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 64H3-6957 của bị cáo, do anh Võ Tiến H đứng tên giấy đăng ký xe.

- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ: 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh phạm tội của bị cáo.

4. Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và danh mục án phí;

Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Trại giam, Công an Q. C.

- Cơ quan Thi hành án.
- Bị cáo.
- Các đương sự.

Nguyễn Thị Thùy Trang